

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/12/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC4+P6+TTC2	7:25	2+14+5	0+0+0		0+16+5	0+0+0	chuyen 1 Rc4-P6
2		CLO+P4+P8	7:25	5+2+14	0+0+0		5+1+16	0+0+0	chuyen 1 Clo-P4
3		AMD+TGTH4+TGTH1+HST	7:25	8+2+2+2	0+0+0+0		8+3+2+1	0+0+0+0	
4		TD1+BK6+P6	9:25	4+4+8	0+0+0		4+3+9	0+0+0	
5		CTK3+TD2+P8	9:25	6+4+12	0+0+0		4+1+14	0+0+0	CHO YTE RA CTK3
6		P8+ BK21+TD5+P8	11:25	2+3+13	0+0+0		3+0+11	0+0+0	

TTBDSX

OK3

AS440

chuyến bay như Covid. OK3.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/12/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:32
FLIGHT: 02	TO: RC4 - P6 - TTC2	CREW: LTuấn - VThắng - QTrưởng	ETA: 09:10
CAM-1			

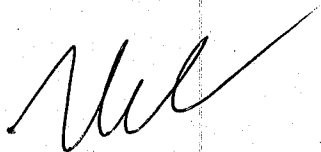
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ NGỌC CÀNH	RC4	33-34	2	17		60	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN THÈ HUY	RC4	35	1	15	45	67	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN VINH QUANG	P6	67	1	5		70	YTE	Vietnamese
4	CHERNIAVSKIY D S	P6	89	1	5		90	KH-THAC	Russian
5	PIATOV S.V	P6	91	1	12		90	KH-THAC	Russian
6	HA DUY ĐÔNG	P6					90	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NHẬT THANH	P6	80	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG TIỀN DŨNG	P6	90	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG THỌ TÂM	P6	81	1	5	15	64	KH-THAC	Vietnamese
10	PHƯƠNG VĂN MINH	P6	78	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	THAI TRỌNG BÌNH	P6	85	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ VĂN HOÀN	P6	86	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU NHAN	P6	79	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN TÙNG	P6	88	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HUY THAI	P6	82-83	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG VĂN CUÔNG	P6	84	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	PHÙNG MINH HIẾU	TTC2	62	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI VĂN TUẤN	TTC2	64	1	6		53	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ PHƯƠNG	TTC2	63	1	5	32	55	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯU VĂN AN	TTC2	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN TRỌNG MINH	TTC2	61	1	6		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

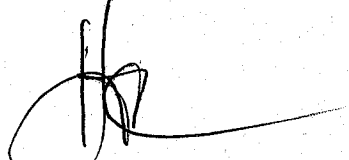
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	2	3	32	127	45	0+1		CHUYEN 01 PAX TU RC4 SANG P6
2	P6	14	14	77	1.077	15	16		
3	TTC2	5	5	29	320	32	5		
TOTAL		21	22	138	1.524	92	21		
WEIGHT KG				138	1.524	92			

GRAND TOAL: 1.754 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/12/2021	TO: CLO - P4 - P8	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Phong - N.Anh - MQUÂN -	ETA: 09:15
VANG-1		Thành	

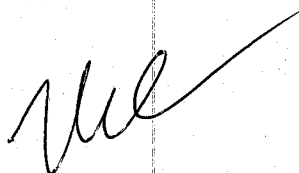
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ XUÂN	CLO	69	1	12		95	ANTOAN	Vietnamese
2	TRẦN TRUNG HIỆU	CLO	67	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN KHUÔNG	CLO	66	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ĐẠI THANH	CLO	68	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG QUANG HUY	CLO	64-65	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN BÌNH ĐỨC	P4	72	1	5		72	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG LONG	P4	400	1	7		80	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN KIM SƠN	P8	18	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
9	BABKIN	P8	01	1	10		95	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN NHAN	P8	07-08	2	9		75	YTE	Vietnamese
11	NGUYỄN TRONG HÒA	P8	13	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P8	14-15	2	7		120	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẠO NGUYỄN HÙNG	P8	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P8	05-06	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẠO TIẾN ĐẠT	P8	11-12	2	20		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ANH TRI	P8	04	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN THANH NAM	P8	09	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	P8					86	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC TẠNH	P8	10	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
20	THAI QUÂN	P8	17	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ QUANG THẮNG	P8	19	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

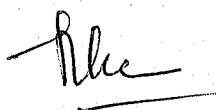
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	5	6	48	365	0	5	1	CHUYEN 01 PAX TU CLO SANG P4
2	P4	2	2	12	152	0	1		
3	P8	14	17	108	1.059	0	16		
TOTAL		21	25	168	1.576	0	22		
WEIGHT KG				168	1.576	0			

GRAND TOAL: 1.744 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/12/2021	TO: AMD - TGTH4 - TGTH1 - HST	AIRCRAFT: 610	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: HHai - ATUẤN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN ANH QUAN	AMD	27	1	11		67	TLJOC	Vietnamese
2	PHAM TUAN ANH	AMD	23-24	2	13	38	63	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN ĐỨC CUÔNG	AMD	25-26	2	13	70	65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO SY KHOI	AMD	22	1	12	40	73	KH-THAC	Vietnamese
5	DAO HAI DUONG	AMD	28-30	3	18		75	HLJOC	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC MANH	AMD	23	1	8		70	PVGAS	Vietnamese
7	ĐO XUAN LOI	AMD	39	1	7		76	PVGAS	Vietnamese
8	NGUYEN DINH CU	TGTH4	22-23	2	19		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUU LUAT	TGTH4	21	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DUY LAM	TGTH1	23	1	11		63	HLJOC	Vietnamese
11	NGUYEN MANH HA	TGTH1	21-22	2	13		55	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN LE HONG VU	HST	19	1	7		62	TLJOC	Vietnamese
13	THAN CANH THINH	HST	17-18	2	9		78	TLJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	7	11	82	489	148	8		THAO 04 GHE CHO HANG
2	TGTH4	2	3	23	129	0	3		
3	TGTH1	2	3	24	118	0	2		
4	HST	2	3	16	140	0	1		
TOTAL		13	20	145	876	148	14		
WEIGHT KG				145	876	148			

GRAND TOAL: 1.169 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Fuel: 1550 kg (phối)



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/12/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT:	TO: TD1 - BK6 - P6	CREW: LTuấn - VThắng - QTrưởng	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KHẮC QUỐC	TD1	75	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN QUYẾT	TD1	74	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
3	HA XUAN THANH	TD1	72-73	2	11		103	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VĂN HẬU	TD1	71	1	6	46	70	GETRACO	Vietnamese
5	TRẦN SÁCH ĐÓN	BK6	09	1	13		60	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ HUY MẠNH	BK6	11	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUÝ TÀI	BK6	10	1	17	45	59	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ĐÌNH ĐẠI	BK6	12-13	2	20		66	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG THAI ANH	P6	93	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM NGOC QUY	P6	94	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ QUANG MINH	P6					80	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUANG HUY	P6	95	1	11		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG KHOA	P6	96	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HÙNG	P6	99,600	2	8		60	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN XUAN KHANH	P6	97	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN QUỐC DOANH	P6	98	1	5		76	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	4	5	31	300	46	4		
2	BK6	4	5	62	265	45	3		
3	P6	8	8	44	562	0	9		
TOTAL		16	18	137	1.127	91	16		
WEIGHT KG				137	1.127	91			

GRAND TOAL: 1.355 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/12/2021	TO: CTK3 - TD2 - P8	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Phong - N.Anh - MQUÂN -	ETA: 11:25
CAM-2		Thành	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUC CUONG	CTK3					65	Y TE	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC LUU	CTK3				121	71	Y TE	Vietnamese
3	NGUYEN VAN LUONG	CTK3					65	Y TE	Vietnamese
4	BUI DUC ANH	CTK3					72	Y TE	Vietnamese
5	TRUONG QUYET THANG	TD2	36	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
6	BELAIEV	TD2	34	1	12		84	KH-THAC	Russian
7	VÔ TRỌNG NHIÊN	TD2	37	1	12		56	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ANH TUÂN	TD2	35	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VINH DUNG	P8	41-42	2	8		72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN QUANG HUY	P8	32	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN NHAN	P8	35	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRI HUNG	P8	44	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN HOANG GIANG	P8	43	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN VU	P8	40	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN KHIEM HIEU	P8	37-38	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
16	DUONG TRI NAM	P8	39	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG MINH	P8	36	1	9		81	KH-THAC	Vietnamese
18	CU CHI CONG	P8	30-31	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
19	LE VAN HOA	P8	29	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN LE	P8	33-34	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese

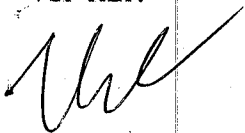
FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	4	0	0	273	121	0		
2	TD2	4	4	48	292	0	1		
3	P8	12	16	115	834	0	14		
TOTAL		20	20	163	1.399	0	15		
WEIGHT KG				163	1.399	0			

GRAND TOAL:

1.562 KGS + 121kg.

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/12/2021	TO: P8 - BK21 - TD5	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:50
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: TTrung - MTHAO - Toan	ETA: 13:30
HONG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG DINH HOA	P8	53-54	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
2	TRUONG MINH THANG	P8	56	1	9		69	XAYLAP	Vietnamese
3	DOAN NGOC DINH	P8	47	1	15		74	XAYLAP	Vietnamese
4	DO NGOC TAM	P8	55	1	12		90	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN HUY ANH	P8	51-52	2	15		92	XAYLAP	Vietnamese
6	VU TRONG HOE	P8	49-50	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
7	LE ANH NGOC	P8	58-59	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
8	LE QUY DON	P8	45-46	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN CONG DUAN	P8	57	1	6		56	PSV	Vietnamese
10	TRAN DUC THUAN	P8	48	1	15		77	PSV	Vietnamese
11	LE VAN DUONG	P8	61	1	5		60	PSV	Vietnamese
12	LE DUC THUAN	P8	60	1	8		53	PSV	Vietnamese
13	CHU DUC HUNG	BK21	33-34	2	15	40	63	KH-THAC	Vietnamese
14	LE TRUNG TUAN	BK21	35	1	15		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN MANH	TD5	50	1	7		59	SHINTRAC	Vietnamese
16	PHAM THANH THONG	TD5	48-49	2	15	40	72	SHINTRAC	Vietnamese
17	TRAN TRUNG HIEU	TD5	47	1	8		70	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	12	17	142	830	0	11		
2	BK21	2	3	30	129	40	3		
3	TD5	3	4	30	201	40	0		
TOTAL		17	24	202	1.160	80	14		
WEIGHT KG				202	1.160	80			

GRAND TOAL: 1.442 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/12/2021		FROM: VT	AIRCRAFT: 610	ETD: 15:40
FLIGHT: CAT C		TO: CTK3	CREW: HHai - ATUÂN	ETA: 17:25

ROUTE: VT - CTK3 - VT

No.	PAX.NAME		COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
							PCS	KGS	W.T
SECTOR 1 : VT - CTK3									
1	NIL PAX						0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	7	WT:	0	0	0
TOTAL		0							

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1	VNHS BOX GUI DIEU PHAI SAN BAY	62	CTK3	1	10
REMARK : THUC HIEN THEO QUI TRINH PHONG DICH					PAX.WEIGHT
					0
					BAG.WEIGHT
					0
					CARGO WEIGHT
					10
					TOTAL
					10

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

CONFIRMED BY HLO (Name S signature)

1. TOTAL OF PAX

2. FREIGHT S BAG:

FINISHED: 15:15

FUEL